TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 01 /2020/HNGĐ – ST
Ngày: 13-01-2020
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Bà Trần Xuân Đạm

- T ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ – T ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/2019/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về *"tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Tạ Anh T, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông L tự nguyện sống chung với bà Tạ Anh T và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước vào năm 2008. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hành phúc và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống chung được nữa nên ông L xin ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 16/3/2009 và Trần Quán H, sinh ngày 04/7/2012 hiện đang sống chung với ông L. Khi ly hôn ông L yêu cầu được nuôi con. Không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà T không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn bà Tạ Anh T vắng mặt. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 24/12/2019 bà T trình bày:

Bà T thống nhất với ông L về quan hệ hôn nhân, thời gian mẫu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Nay ông L xin ly hôn thì bà T đồng ý. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 16/3/2009 và Trần Quán H, sinh ngày 04/7/2012 hiện đang sống chung với ông L. Nay bà T đồng ý tiếp tục giao 02 con cho ông L nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung đều không có. Bà T xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần văn L và bà Tạ Anh T

+ Về con chung: Giao con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 16/3/2009 và Trần Quán H, sinh ngày 04/7/2012 cho ông L nuôi dưỡng. Ông L không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ông Trần Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với bà Tạ Anh T nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét bà T cư trú tại khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là bà Tạ Anh T vắng mặt lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 21/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà T là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông L, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của ông L tại phiên tòa thì giữa ông L và bà T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo ông L là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Đối với bà T, tại phiên Tòa bà T vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 24/12/2019 bà T cũng thừa nhận giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét, giữa ông L và bà T đều thống nhất mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2018 nhưng đến nay vẫn chưa hàn gắn được. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L.

[4] Về con chung: Ông L và bà T có 02 người con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 16/3/2009 và Trần Quán H, sinh ngày 04/7/2012. Khi ly hôn, ông L xin được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu H và cháu H hiện đang sống chung với ông L từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, đồng thời quá trình giải quyết vụ án bà T có văn bản trình bày đồng ý tiếp tục giao 02 con cho ông L nuôi dưỡng, nên xét thấy cần tiếp tục giao 02 con cho ông L nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L khai không có nên không xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần văn L

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Văn L và bà Tạ Anh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 16/3/2009 và Trần Quán H, sinh ngày 04/7/2012 cho ông L nuôi dưỡng. Ông L không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông L chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0000674 ngày 16/12/2019

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng có bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã L.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Duyên